

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/01/2018.

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Bà Nguyễn Thị Mai.
2, Ông Lê Thế Chuyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Thịnh Quang Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 và, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thúy H, sinh năm 1968; HKTT: Thôn Ch, xã CL, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Hiện đang ở: Tập thể Học Viện nông nghiệp Việt Nam, địa chỉ: Thị trấn TrQ, huyện GL, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Nhữ Duy Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Ch, xã CL, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 04 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là bà Dương Thị Thúy H trình bày:

Bà và ông Nhữ Duy Đ xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HB, quận HK, Hà Nội. Cưới xong, vợ chồng ở tại nhà bố mẹ đẻ bà đến năm 2000 thì mua đất làm nhà ở riêng tại thôn Ch, xã CL, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội và sinh sống ổn định cho đến nay.

Quá trình chung sống, thời gian đầu ở với bố mẹ bà thì vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có vấn đề gì. Chỉ từ khi vợ chồng chuyển ra ngoài ở riêng và sinh sống tại thôn Ch, xã CL thì mâu thuẫn giữa vợ chồng mới phát sinh và ngày càng

căng thẳng. Theo bà, nguyên nhân chính là do ông Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, con cái, không đóng góp vào kinh tế gia đình, mỗi khi bà nói thì ông Đ cãi lại chửi và đánh bà nhưng vì thời gian trước đây các con nhỏ nên bà chịu đựng để sống vì các con. Thời gian gần đây, do bà bị vôi hóa đốt sống và bị u nhưng vẫn phải tự lo cho bản thân mà không được ông Đ quan tâm, lại còn nghi ngờ bà ngoại tình với người khác trong khi bà không ngoại tình với ai, nên khi bị ông Đ đánh, chửi bà có vùng lên phản ứng lại mới xảy ra xô xát và mâu thuẫn căng thẳng. Do ông Đ chửi bà từ 08 giờ tối ngày 16/7/2017 đến 05 giờ sáng ngày 17/7/2017, ngừng được một lúc lại tiếp tục chửi, làm cho bà không chịu đựng được đã phải tạm lánh vào Nhà bình yên của Trung tâm Phụ nữ và phát triển của Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, địa chỉ: Số nhà 20, phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội một thời gian và sống ly thân với ông Đ cho đến nay. Được sự giúp đỡ của Trung tâm trong 02 tháng, bà đã chuyển ra ngoài thuê nhà trọ để ở riêng và đi làm lấy tiền nuôi thân, đóng tiền học cho cháu V không muốn quay lại sống với ông Đ nữa. Bà xác định tình cảm của bà đối với ông Đ đến nay không còn gì, hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc và xin ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nhữ Bảo L sinh năm 1991 và Nhữ Long V sinh ngày 05/01/2004. Hiện nay, anh L đã có vợ con và ở riêng, còn cháu V đang học lớp 8 Trường trung học cơ sở CL và ở với ông Đ. Khi ly hôn, do bà chưa có chỗ ở ổn định nên bà để ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, bà cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông Đ có tài sản chung là nhà đất ở Thôn Ch, xã CL và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình hiện đang do bố con ông Đ quản lý, sử dụng. Bà và ông Đ sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không kê khai, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn trong vụ án là ông Nhữ Duy Đ trình bày: Ông thống nhất với bà H khai về điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng hiện nay. Khoảng hai năm trở lại đây, do bà H đi vào con đường mê tín, dị đoan thường xuyên đi với một người thầy bói là đàn ông và có biểu hiện ngoại tình với người này, ông biết được là do ông đọc được những tin nhắn tình cảm giữa hai người với nhau trên điện thoại di động của bà H, ông đã nói bà H chấm dứt quan hệ với người đàn ông đó, bà H không nghe lại tạo dựng việc ông ngược đãi bà để có cớ vào Trung tâm phụ nữ và phát triển sinh sống, rồi tác động với cán bộ của Trung tâm, cùng với chính quyền, đoàn thể xã CL tổ chức hòa giải cho vợ chồng, sống ly thân với ông từ tháng 7/2017 đến nay. Ông xác định mâu thuẫn vợ chồng không đến mức căng thẳng, trầm trọng như bà H khai và ông vẫn còn tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà H cố tình ly hôn thì ông phải chịu.

- Về con chung: Ông nhất trí với bà H khai về con chung của vợ chồng và tình trạng của các con hiện nay, cháu V hiện đang ở với ông và học lớp 8 Trường Trung học cơ sở CL. Ông đang làm nghề tự do và buôn bán chim cảnh với mức thu nhập đủ để bố con ông nuôi nhau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung: Ông nhất trí với bà H khai về việc vợ chồng có mua được đất, làm nhà ở phố Ch, xã CL hiện đang do bố con ông quản lý, sử dụng hàng ngày. Ông không nhất trí ly hôn nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung.

Tại phiên toà, về cơ bản các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên. Bà H kiên quyết xin ly hôn, ông Đ không đồng ý.

Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V cho ông Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 01/2018 đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

- Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các Thông báo và Quyết định tố tụng của Tòa án, chấp hành đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận Đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị Thúy H đối với ông Nhữ Duy Đ.

- Về con chung: Giao cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, ghi nhận sự tự nguyện của bà H cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

- Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn trong vụ án là bà Dương Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trong vụ án là ông Nhữ Duy Đ có quan điểm không đồng ý ly hôn, không phản tố để yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, trong phạm vi vụ án này Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản chung của ông Đ, bà H.

Về nội dung:

[1]. Về tình cảm:

Bà Dương Thị Thúy H và ông Nhữ Duy Đ xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HB, quận HK, Hà Nội, hôn nhân đó là hợp pháp. Sau khi cưới, ông bà ở tại nhà của

bố mẹ bà H một thời gian sau đó chuyển đến thôn Ch, xã CL mua đất làm nhà, sinh sống và làm ăn ổn định cho đến nay.

Ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và ngày càng căng thẳng, bà H có tạm lánh vào Nhà bình yên của Trung tâm phụ nữ và phát triển thuộc Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam một thời gian, chính thức sống ly thân với ông Đ cho đến nay.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng. Đối với ông Đ và bà H thì không được như vậy, bà H cho rằng ông Đ sống không có trách nhiệm với vợ con và gia đình, ngược đãi bà cả về vật chất và tinh thần trong nhiều năm làm cho hôn nhân của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Ông Đ nghi ngờ về lòng chung thủy của bà H, cho rằng bà H có quan hệ ngoại tình với người khác và xác nhận cuộc sống chung vợ chồng cũng có khi va chạm, mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được là xây dựng một gia đình hạnh phúc, ông Đ xin đoàn tụ nhưng ông cũng thừa nhận không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng hiện nay, bà H cố tình xin ly hôn thì ông phải chịu cho thấy tình trạng hôn nhân của ông Đ, bà H đã đến mức trầm trọng, nếu kéo dài cũng không đảm bảo hạnh phúc bền vững, lâu dài, vì vậy, cần được giải phóng để hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình là phù hợp với nhận xét của chính quyền địa phương, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về con chung: Ông Đ bà H có 02 con chung là Nhữ Bảo L sinh năm 1991 và Nhữ Long V sinh ngày 05/01/2004. Hiện nay, anh L đã có vợ con và ở riêng nên không phải giải quyết về cấp dưỡng.

Tại Tòa án, hai bên thống nhất để ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 01/2018. Hội đồng xét xử thấy, mặc dù cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng hiện nay bà H chưa có chỗ ở ổn định, đang phải ở nhà cho thuê, trong khi ông Đ có chỗ ở đảm bảo ổn định tại thôn Ch, xã CL. Để đảm bảo quyền lợi về cuộc sống và ổn định việc học tập của cháu V, nên ghi nhận thỏa thuận của hai bên là để ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, bà H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về tài sản chung: Bà H và ông Đ cùng có lời khai xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất ở thôn Ch, xã CL nhưng hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau mà không cần Tòa án xem xét, giải quyết, nên Tòa án không phải giải quyết trong vụ án này. Trường hợp các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà H phải chịu cả để sung công quỹ Nhà nước

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 220; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

- 1, Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị Thúy H. Bà Dương Thị Thúy H được ly hôn ông Nhữ Duy Đ.
- 2, Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nhữ Bảo L sinh năm 1991 và Nhữ Long V sinh ngày 05/01/2004.
 - [2.1]. Anh L đã có vợ con nên không phải giải quyết về cấp dưỡng.
 - [2.2]. Ghi nhận thỏa thuận của hai bên, ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, bà H cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 01/2018 đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.
 - [2.3]. Bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.
- 3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- 4, Về nợ chung: Không có.
- 5, Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Dương Thị Thúy H phải chịu cả. Bà H đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000806 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay được chuyển thành tiền án phí để sung công quỹ Nhà nước.
- 6, Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Thúy H và ông Nhữ Duy Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện ĐA;
- Chi cục THADS. huyện ĐA;
- Ủy ban nhân dân phường HB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

